

Số: 2380/QĐ-UBND

Bỉm Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Điều chỉnh Điều 1 các Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND thị xã Bỉm Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: **Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 37/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số: 1320/QĐ-BGTVT ngày 28/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao thông tuyến đường Bỉm Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4545/2014/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2015-2019 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 4437/2016/QĐ-UBND ngày 14/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá;



Căn cứ Quyết định số 4925/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành bảng giá xây dựng mới nhà ở, nhà tạm, công trình kiến trúc làm cơ sở xác định giá trị bồi thường hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số: 1529/QĐ-UBND ngày 06/5/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư Tiểu dự án GPMB dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số: 1283/QĐ-UBND ngày 14/4/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn về việc Kiện toàn Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số: 885/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư GPMB thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa;

Xét tờ trình số: /Tr-HĐBT ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng bồi thường GPMB Thị xã Bim Sơn về việc đề nghị Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND thị xã Bim Sơn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của UBND thị xã Bim Sơn về việc phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa, như sau:

1. TẠI ĐIỀU 1 QUYẾT ĐỊNH SỐ 885/QĐ-UBND NGÀY 13/3/2017 VÀ QUYẾT ĐỊNH SỐ 1143/QĐ-UBND NGÀY 24/5/2017 CỦA CHỦ TỊCH UBND THỊ XÃ BỈM SƠN CHỈ:

Phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB để thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn-Phố Cát-Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa, với nội dung như sau:

1. Theo Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/3/2017:

- Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 2.169.528.385 đ
(Hai tỷ, một trăm sáu chín triệu, năm trăm hai tám nghìn, ba trăm tám lăm đồng)

Trong đó:

- Kinh phí chi trả trực tiếp: 2.126.988.613đ
- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 797.704.750đ
- Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc: 1.098.533.213đ
- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 212.750.650đ
- Hỗ trợ thuê nhà ở tạm: 18.000.000đ
- Kinh phí phục vụ cho công tác bồi thường GPMB: 42.539.772đ
- 2% kinh phí HĐ: 42.539.772đ

(Có Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

2. Theo Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 24/5/2017:

- Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 367.688.489 đ
(Ba trăm sáu bảy triệu, sáu trăm tám tám nghìn, bốn trăm tám chín đồng)

Trong đó:

- Kinh phí chi trả trực tiếp: 360.478.911 đ
- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai bổ sung: 193.846.400đ
- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 2.973.000đ
- Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc: 163.659.511đ
- Kinh phí phục vụ cho công tác bồi thường GPMB: 7.209.578đ
- 2% kinh phí HĐ: 7.209.578đ

(Có Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)

- Nguồn kinh phí: Từ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

- Bố trí tái định cư: Không.

- Hỗ trợ di chuyển mồ mã: Không.

II. NAY ĐIỀU CHỈNH NHƯ SAU:

1. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 2.660.687.517đ

(Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, sáu trăm tám bảy nghìn, năm trăm mười bảy đồng) Trong đó:

1.1. Kinh phí chi trả trực tiếp: 2.608.517.174đ
- Bồi thường, hỗ trợ về Đất đai: 1.112.600.800đ
- Bồi thường, hỗ trợ về vật kiến trúc: 1.262.192.724đ
- Bồi thường, hỗ trợ về Cây hoa màu: 215.723.650đ
- Hỗ trợ thuê nhà ở tạm: 18.000.000đ

1.2. Kinh phí phục vụ cho công tác bồi thường GPMB: 52.170.343đ
- Kinh phí HĐ 2%: 52.170.343đ

(Có Bảng tổng hợp chi tiết kèm theo)



2. Nguồn kinh phí: Từ vốn trái phiếu Chính phủ còn dư của các dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A và đường Hồ Chí Minh đoạn qua khu vực Tây Nguyên.

3. Bố trí tái định cư: Không.

4. Hỗ trợ di chuyển mồ mả: Không.

5. Lý do xin điều chỉnh: Xác định lại diện tích, loại đất thu hồi của hộ gia đình bà Tống Thị Lài, địa chỉ: Thôn 6, xã Quang Trung (theo biên bản làm việc giải quyết kiến nghị giữa Hội đồng BT GPMB, UBND xã Quang Trung và hộ gia đình ngày 10/5/2017).

Điều 2. Các nội dung khác ngoài các nội dung thay đổi trên của các Quyết định số 885/QĐ-UBND ngày 13/3/2017 và Quyết định số 1143/QĐ-UBND ngày 24/5/2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn không thay đổi.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký;

Các ông Chánh văn phòng HĐND và UBND Thị xã Bim Sơn, Trưởng các phòng QLĐT, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên & Môi trường, Kinh tế, Chủ tịch UBND xã Quang Trung, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Bùi Huy Hùng

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÀI ĐỊNH CƯ GPMB

Dự án: Đầu tư xây dựng công trình cầu vượt tại nút giao tuyến đường Bim Sơn - Phố Cát - Thạch Quảng, Thạch Thành và Quốc lộ 1A, đường sắt Bắc Nam, tỉnh Thanh Hóa.

(Kèm theo Quyết định số 2580/QĐ-UBND ngày 10 / 7 /2017 của Chủ tịch UBND thị xã Bim Sơn)

ĐVT: VNĐ

STT	Trường hợp ảnh hưởng	Địa chỉ thửa đất thu hồi	Diện tích đất thu hồi (m ²)	Số thửa TB	Số tờ TB	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ về đất (đ)	Số tiền bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc (đ)	Số tiền bồi thường, hỗ trợ về cây hoa màu (đ)	Hỗ trợ thuê nhà ở tạm	Tổng tiền (đ)
1	Ông Nguyễn Văn Hưng	Thôn 6	36,5	53	2	4.288.750	3.990.000	1.128.000	0	9.406.750
2	Ông Nguyễn Minh Thành	Thôn 6	54,3	6	1	1.357.500	357.000	3.602.000	0	5.316.500
3	Bà Nguyễn Thị Là	Thôn 6	28,7	36	1	41.328.000	41.750.600	0	0	83.078.600
4	Bà Phạm Thị Lợi	Thôn 6	15,5	3	1	387.500	14.185.800	4.771.500	0	19.344.800
5	Ông Nguyễn Bá Duy	Thôn 6	86	2	1	2.150.000	115.145.090	30.443.000	0	147.738.090
6	Ông Đặng Văn Hùng Bà Nguyễn Thị Lại	Thôn 6	39,3	1	1	982.500	19.527.780	2.257.000	0	22.767.280
7	Ông Trịnh Xuân Dương Bà Đỗ Thị Tùng	Thôn 6	0			0	0	12.346.000	0	12.346.000
8	Bà Vũ Thị Định (bổ sung)	Thôn 6	0			0	0	99.000	0	99.000
9	Bà Tống Thị Lại	Thôn 6	205,8	60	2	170.554.000	800.443.233	117.753.650	9.000.000	1.097.750.883
10	Ông Trịnh Xuân Chương	Thôn 4	16,4	45	7	23.936.250	0	0	0	23.936.250
11	Bà Dương Thị Quyên	Thôn 4	322,9	38	6	40.280.750	0	1.453.050	0	41.733.800
12	Bà Dương Thị Lam	Thôn 4	447,1	32	6	54.874.250	0	2.011.950	0	56.886.200
13	Ông Dương Văn Điền Bà Nguyễn Thị Yên	Thôn 4	759,6	15	6	590.573.300	103.133.710	36.885.500	9.000.000	739.592.510
14	Ông Phạm Văn Công Bà Nguyễn Thị Thanh	Thôn 6, xã	0			0	13.602.391	2.973.000	0	16.575.391
15	Ông Nguyễn Hoàng Độ Bà Đinh Thị Cúc	Thôn 6, xã	0			180.384.000	0	0	0	180.384.000

16	Bà Bùi Thị Luyện	Thôn 6, xã			1.504.000	0	0	0	1.504.000
17	Bà Tống Thị Lài (bổ sung)	Thôn 6, xã Quang Trung	0		0	150.057.120	0	0	150.057.120
	Cộng		2.012,1		1.112.600.800	1.262.192.724	215.723.650	18.000.000	2.608.517.174
	Kinh phí HĐ 2%								52.170.343
	Tổng cộng								2.660.687.517

(Hai tỷ, sáu trăm sáu mươi triệu, sáu trăm tám bảy nghìn, năm trăm mười bảy đồng)